

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGÃ NĂM  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/DS-ST

Ngày: 20/6/2018.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Quang Nhuận.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/. Ông Nguyễn Minh Thiên.

2/. Ông Trần Văn Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: nhà số ..., khóm VM, phường ..., thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: nhà số ..., ấp VP, xã VQ, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người làm chứng:* ông Hà Văn Đ, sinh năm 1967 (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: nhà chưa số, ấp VP, xã VQ, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện lập ngày 04/01/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:**

Vào ngày 04/12/2015 âm lịch, bà Nguyễn Thị H có vay của bà với số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, việc vay

tiền có làm biên nhận lập cùng ngày. Khi vay tiền, bà H có thể chấp cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H đứng tên các thửa đất số 642, 641, 638 cùng tọa lạc ấp VP, xã VQ, thị xã Ngã Năm. Các bên thỏa thuận trong vòng 03 tháng nếu bà H không bán được đất thì bà H phải giao số đất này cho bà để trừ nợ. Từ khi vay tiền đến nay bà H không trả cho bà khoản tiền vốn, tiền lãi nào và khi hết thời hạn vay bà H cũng không thực hiện theo cam kết đã thỏa thuận. Do vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định là 13,5%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày vay tiền là 04/12/2015 âm lịch đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà Đ đồng ý không tính tiền lãi chỉ yêu bà H trả lại số tiền vốn 50.000.000 đồng, do vậy bà Đ xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi.

***Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án lập ngày 09/3/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Cách đây khoảng 03 năm thì bà có vay của bà Trần Thị Đ số tiền 3.000.000 đồng, khi đó bà có thể chấp cho bà Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà, thỏa thuận mỗi ngày bà góp cho bà Đ 120.000 đồng, bà góp được khoảng hai tháng thì không có góp nữa. Đến khoảng vài tháng sau, bà Đ có tính cộng dồn tiền vốn và lãi tổng cộng là 16.000.000 đồng, khi đó bà có trả cho bà Đ 12.000.000 đồng, còn nợ lại 4.000.000 đồng. Tiếp sau đó khoảng 05 - 06 ngày bà có vay thêm của bà Đ 1.500.000 đồng, sau đó khoảng 02 ngày bà vay thêm 500.000 đồng, tổng cộng bà thiếu bà Đ 6.000.000 đồng, khi đó thỏa thuận bà góp cho bà Đ mỗi ngày 240.000 đồng, góp trong vòng 02 tháng sẽ dứt nợ, bà góp được khoảng 02 - 03 ngày thì không có khả năng góp cho bà Đ. Sau đó bà Đ yêu cầu bà đóng lãi hàng ngày, mỗi ngày 60.000 đồng, bà đóng lãi đến ngày 04/11/2016 âm lịch thì tôi không có khả năng đóng nữa, do vậy bà Đ mới cộng dồn tiền vốn và tiền lãi bà còn thiếu tổng cộng là 50.000.000 đồng. Kể từ đó đến nay bà không có trả tiền vốn và tiền lãi cho Đ. Thực tế bà không có vay bà Đ số tiền 50.000.000 đồng mà đây là tiền kết nợ cộng chung tiền vốn và tiền lãi. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà Đ số tiền 15.000.000 đồng.

***Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ: buộc bị đơn Nguyễn Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đ số tiền vốn 50.000.000 đồng; buộc bà Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất 642, 641 và 638; đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với yêu cầu về tiền lãi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### *Xét về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:*

[1]. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Đ xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị H trả tiền lãi đối với số tiền vốn vay 50.000.000 đồng, HĐXX nhận thấy việc nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

### *Xét về nội dung vụ án.*

[2]. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn bà Trần Thị Đ cung cấp là: tờ “Biên nhận” lập ngày 04/12/2015 âm lịch, có dấu lặn tay đề tên bà Nguyễn Thị H, có xác nhận của ông Hà Văn Đ (Tổ trưởng tổ hòa giải ấp VP, xã VQ, thị xã Ngã Năm). Nội dung tờ biên nhận thể hiện bà H có thỏa thuận vay của bà Đ số tiền vốn 50.000.000 đồng, với mức lãi suất 02%/tháng và bà H có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình tại các thửa đất 642, 641, 638 cho bà Đ. Tại phiên tòa, bà Đ đã xuất trình bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để đối chứng với bà H. Đồng thời, tại biên bản đối chất của Tòa lập ngày 31/5/2018, người làm chứng ông Hà Văn Đ xác nhận: vào ngày 12/01/2016, bà Đ và bà H cùng đến nhà của ông nhờ ông xác nhận giấy vay tiền với nội dung thỏa thuận bà Đ cho bà H vay số tiền vốn 50.000.000 đồng và bà H thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ; ông có ký tên và ghi nội dung xác nhận vào tờ “Biên nhận” lập ngày 04/12/2015 âm lịch như bà Đ đã cung cấp cho Tòa án. Qua các tình tiết nêu trên có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa bà Đ và bà H có xác lập giao dịch vay tiền theo như các bên đã thỏa thuận tại tờ “Biên nhận” lập ngày 04/12/2015 âm lịch.

[3]. Tại phiên tòa bà H cho rằng: thực tế bà không có vay của bà Đ số tiền 50.000.000 đồng, mà bà Đ đã cộng dồn tiền vốn 6.000.000 đồng bà đã vay cách đây 03 năm với tiền lãi phát sinh ra tổng số nợ là 50.000.000 đồng. Tại thời điểm kết nợ, bà Đ đã viết tờ biên nhận đưa cho bà lặn tay trước, sau đó mới đọc lại cho bà nghe (vì bà không biết chữ) là tổng số nợ là 50.000.000 đồng, khi đó bà đã không đồng ý với tiền này nên bỏ đi về nhưng tờ biên nhận thì bà Đ vẫn giữ không có hủy bỏ. Đối với dấu lặn tay đề tên Nguyễn Thị H trong tờ “Biên nhận” lập ngày 04/12/2015 âm lịch do bà Đ cung cấp cho Tòa án, bà không xác định được có phải dấu lặn tay của bà tại tờ biên nhận bà không đồng ý trước đây hay không, vì vậy bà không yêu cầu Tòa án giám định lại dấu lặn tay này. Để chứng minh cho những lời trình bày nêu trên của bà H là có căn cứ, Tòa án đã có thông báo yêu cầu bà H cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng phía bà H không thực hiện được, vì vậy chưa có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của bà.

[4]. Hội đồng xét xử nhận thấy, đã quá hạn thanh toán nợ theo các bên thỏa thuận tại tờ “Biên nhận” lập ngày 04/12/2015, nhưng phía bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ là vi phạm hợp đồng, theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, việc bà Đ yêu cầu bà H hoàn trả lại số tiền vốn 50.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Xem xét nội dung thỏa thuận về việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Đ và bà H trong tờ “Biên nhận” lập ngày 04/12/2015, Hội đồng xét xử nhận thấy: việc bà H giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 652525 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì cấp ngày 08/11/1994 cho bà Đ cất giữ mục đích là để tạo sự tin tưởng trong việc trả nợ; thực tế các bên không có làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng các thửa đất 642, 641, 638 theo quy định của Luật đất đai và cũng không có đăng ký giao dịch đảm bảo, nên thỏa thuận nêu trên giữa các bên không có giá trị pháp lý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét xử lý tài sản thế chấp, phía bà Đ có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho bà H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhận thế chấp.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H là người phải chịu án phí, tuy nhiên bà đều là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1/ Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Đ số tiền vốn vay 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, phía bà H còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án, theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2/ Buộc bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 652525 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh

Trị cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 08/11/1994 (đối với các thửa đất số 642, 641 và 638).

3/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ về việc buộc bà Nguyễn Thị H phải trả tiền lãi phát sinh của số tiền vốn vay 50.000.000 đồng nêu trên.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H là người phải chịu án phí, tuy nhiên bà là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí. Bà Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.587.500 đồng (*một triệu, năm trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0008176 ngày 09/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Ngã Năm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Quang Nhuận**